

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN,
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 253/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 22 – 7 – 2020

“V/v ly hôn giữa
chị L và anh P”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Hồ Thị Kim Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thái Công Sét
2. Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông Nguyễn Tâm Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa:

Ông Lưu Tiến Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 67/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2020/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983 (có đơn xin vắng mặt)
 2. *Bị đơn:* anh Nguyễn Hữu P, sinh năm 1978 (vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-02-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

- Quan hệ hôn nhân: Năm 2001 thông qua mai mối, chị và anh Nguyễn Hữu

P tự nguyện kết hôn, năm 2012 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh An Giang, Giấy chứng nhận kết hôn số 15/2012 ngày 18-02-2012. Sau khi cưới vợ chồng đến tỉnh Bình Dương ở nhà trọ làm công nhân, đến năm 2011 phát sinh mâu thuẫn do anh P uống rượu về nhà lấy tiền, chị không cho, anh P còn ghen tuông vô cớ, nhiều lần đánh chị. Từ năm 2016 đến nay vợ chồng ly thân. Nay, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh P. Ngày 24-3-2020 chị L có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn là anh Nguyễn Hữu P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có L do, không cung cấp tài liệu, chứng cứ.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24-4-2003; Nguyễn Hữu P1, sinh ngày 26-02-2012, từ lúc ly thân đến nay chị L nuôi hai con. Chị yêu cầu tiếp tục nuôi hai con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

- Về chia tài sản và nợ chung: chị L khai không có.

Theo chị L trình bày mâu thuẫn vợ chồng có mẹ ruột hai bên biết, tại văn bản ngày 24-3-2020 bà Nguyễn Thị Mơi (mẹ ruột chị L) cho biết, chị L nói cho bà nghe vợ chồng mâu thuẫn do anh P uống rượu, ghen tuông và đánh L, vợ chồng đã ly thân nhiều năm nay, bà thấy không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án cho vợ chồng chị L, anh P ly hôn. Tại văn bản ngày 25-5-2020 bà Phan Thị Hùng (mẹ ruột anh P) cho biết, việc mâu thuẫn giữa L và P thế nào bà không biết, chỉ nghe anh P nói lại L xin ly hôn với P, theo bà tùy chị L và anh P quyết định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, riêng anh Nguyễn Hữu P (là bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vẫn vắng mặt không có L do, cho thấy anh P chấp hành nghĩa vụ tố tụng dân sự chưa nghiêm. Về giải quyết vụ án, hôn nhân của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu P là hợp pháp, anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Vợ chồng mâu thuẫn và từ năm 2016 đến nay anh chị ly thân, không hàn gắn, chị L xin ly hôn là có căn cứ theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho chị L ly hôn anh P; về nuôi con chung, từ lúc ly thân đến nay chị L nuôi con, nay chị yêu cầu tiếp tục nuôi, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị L; về chia tài sản và nợ chung không có, nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Hữu P, Tòa án thụ L giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có L do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị L và anh P.

[2] Về nội dung:

[3] Hôn nhân của chị L và anh P là hợp pháp, vì anh chị có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Xét tình trạng hôn nhân của anh chị thấy rằng vợ chồng mâu thuẫn do anh P uống rượu, ghen tuông vô cớ, anh P có hành vi bạo lực gia đình, nhiều lần đánh chị L, thời gian ly thân vợ chồng không gặp nhau hàn gắn; mẹ chị L đề nghị Tòa án cho ly hôn, mẹ anh P không ý kiến tùy anh chị quyết định. Từ đó, cho thấy hôn nhân của anh chị lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, cho ly hôn giữa chị L và anh P.

[4] Về nuôi con chung: Từ lúc vợ chồng ly thân đến nay chị L nuôi hai con có cuộc sống ổn định, cháu Nguyễn Thị Như H và Nguyễn Hữu P1 đều có nguyện vọng sống với chị L. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị L được tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Thị Như H và Nguyễn Hữu P1, chị L không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện của chị, nên không xem xét.

[5] Căn cứ khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật Hôn nhân và gia đình anh P được quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này; vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về chia tài sản: không có, không đề cập.

[7] Về nợ chung: ghi nhận chị L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

[8] Về án phí sơ thẩm, căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chi L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, khoản 3 Điều 82, Điều 83, 84, 116 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Hữu P. Giấy chứng nhận kết hôn số số 15/2012 ngày 18-02-2012 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp L.

2. Về nuôi con chung: giao 02 con chung tên Nguyễn Thị Như H, sinh ngày 24-4-2003; Nguyễn Hữu P1, sinh ngày 26-02-2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi, cả hai con chị L đang nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Hữu P không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Hữu P không trực tiếp nuôi con, anh có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về chia tài sản: không có.

Về nợ chung: ghi nhận chị L xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đ được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0006497 ngày 17-02-2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Cơ quan Thi hành án huyện Phú Tân;
- UBND xã P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Kim Phương

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA